

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST

Ngày 07 - 4 - 2023

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Chính, ông Nguyễn Văn Thụ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: ông Hoàng Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 481/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXX-ST ngày 18 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1988 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Đắc Q, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã K, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đắc Q kết hôn với nhau vào năm 2007 trên tinh thần tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Long, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Kết hôn xong, chị và anh Q về chung sống tại thôn V, xã K, huyện Lục Nam. Vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc từ khi cưới đến ngày 01/02/2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong việc làm ăn, phát triển kinh tế và vấn đề tình cảm. Mâu

thuần trở lên căng thẳng từ tháng 4/2020, vợ chồng ly thân, không quan hệ tình cảm với nhau. Nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Đắc Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đắc U, sinh ngày 04/9/2008 và Nguyễn Thị Ánh T, sinh ngày 15/02/2015. Các con đều khỏe mạnh, phát triển bình thường, chị có nguyện vọng nuôi cả hai con sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, bị đơn là anh Nguyễn Đắc Q trình bày:

Anh và chị Đỗ Thị T kết hôn với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Xác định vợ chồng có mâu thuẫn từ tháng 6/2018 đến tháng 4/2020 thì căng thẳng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không bảo ban được nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, nhiều lần xảy ra cãi chửi nhau. Mặc dù vẫn ở chung một nhà nhưng vợ chồng đã ly thân từ tháng 04/2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Về việc chị T xin ly hôn thì anh mong muốn chị T rút đơn để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy các con khôn lớn lên người. Trường hợp chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị T trình bày là đúng, trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ chung: Anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 02/11/2022 cháu Nguyễn Đắc U và cháu Nguyễn Thị Ánh T đều trình bày: Các cháu là con của mẹ Đỗ Thị T và bố Nguyễn Đắc Q. Các cháu có biết việc bố mẹ mâu thuẫn và mong muốn bố mẹ về ở với nhau, trường hợp bố mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ Đỗ Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do là chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; 227; 228; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị T ly hôn anh Nguyễn Đắc Q.
- Con chung: Giao chị Đỗ Thị T là người trực tiếp nuôi hai con là Nguyễn Đắc U, sinh ngày 04/9/2008 và Nguyễn Thị Ánh T, sinh ngày 15/02/2015.
- Về án phí: chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Chị Đỗ Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Đắc Q. Do vậy xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm Q giải quyết vụ án:

Bị đơn anh Nguyễn Đắc Q là người có địa chỉ cư trú tại thôn V, xã K, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì tranh chấp thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về việc người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay cả nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nhưng nguyên đơn là chị Đỗ Thị T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Đắc Q đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T và anh Q.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Đắc Q kết hôn với nhau vào ngày 19/12/2007, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Long, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Do vậy xác định quan hệ giữa chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Đắc Q là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] Về mâu thuẫn vợ chồng:

Căn cứ các tài liệu xác minh, thu thập trong hồ sơ thể hiện: Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Đắc Q trong quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân do vợ chồng không bảo ban được nhau trong việc làm ăn, phát triển kinh tế và đời sống tình cảm. Từ tháng 4/2020 đến nay, mâu thuẫn trở lên căng thẳng nên mặc dù vẫn ở chung nhà nhưng vợ chồng không quan tâm, chăm sóc,

quan hệ tình cảm với nhau, lời khai của các bên đều thừa nhận việc này. Qua đó xác định, mâu thuẫn giữa chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Đắc Q là có thật và mâu thuẫn này đã kéo dài nhiều năm qua. Phía anh Q mong muốn chị T rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, Tòa án đã hòa giải nhiều lần nhưng chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn. Qua đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị T – anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Q. Do vậy cần áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đắc Q là phù hợp quy định của pháp luật.

[4.3] Về con chung: Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Đắc Q có hai con chung là Nguyễn Đắc U, sinh ngày 04/9/2008 và Nguyễn Thị Ánh T, sinh ngày 15/02/2015. Nay chị T và anh Q đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con. Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị T, anh Q có hai con chung, nguyện vọng được nuôi con của anh chị là chính đáng, nhưng do anh chị không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, nên cần căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết tranh chấp này.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“Điều 81. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, Q của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào Q lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Đối chiếu với quy định trên thì thấy:

Thứ nhất: Các con đều đã trên 07 tuổi và có lời khai muốn được ở với nhau, muốn được ở với mẹ.

Thứ hai: Các con sống với mẹ từ nhỏ, hiện tại 3 mẹ con vẫn đang ở với nhau. Các con khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang đi học tại trường xã K.

Thứ ba: Chị Đỗ Thị T có công việc và thu nhập ổn định (làm nghề may, thu nhập bình quân 8.000.000 đồng/tháng), có nơi ăn, ở đảm bảo cho sinh hoạt, có nhiều thời gian chăm sóc con. Anh Q mặc dù có thu nhập cao hơn chị T nhưng anh Q thường xuyên đi làm xa nhà (Biên bản ghi lời khai của anh Q thể hiện anh làm công nhân mỏ than ở tỉnh Quảng Ninh). Nếu giao cả hai con cho anh Q thì anh Q không có thời gian để kèm cặp, chăm lo hàng ngày cho các con, mặt khác các con cũng không muốn ở với anh Q; nếu giao mỗi người nuôi một con thì sẽ dẫn đến xáo trộn về tâm lý trẻ nhỏ, ảnh hưởng đến đời sống và sinh hoạt học tập của các con.

Vì vậy, để đảm bảo Q lợi mọi mặt cho các con, xét thấy cần giao cả hai con là Nguyễn Đắc U, sinh ngày 04/9/2008 và Nguyễn Thị Ánh T, sinh ngày 15/02/2015 cho mẹ là Đỗ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

Trường hợp có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì các bên có Q yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Do chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Đắc Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét nên không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Đỗ Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[7] Về Q kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có Q kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đắc Q.
2. Về con chung: Giao chị Đỗ Thị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung là Nguyễn Đắc U, sinh ngày 04/9/2008 và Nguyễn Thị Ánh T, sinh ngày 15/02/2015.

Anh Nguyễn Đắc Q có Q và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có Q yêu cầu Tòa án hạn chế Q thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014090 ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Đỗ Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về Q kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- UBND xã H, huyện Ninh Giang, HD;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Sơn